TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 693/2020/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 21 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 623/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/Ông Lương Hoàng L- sinh năm 1977

Địa chỉ: 33/24A Nguyễn Sỹ Sách, Phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

2/Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1977

Địa chỉ: 33/24A Nguyễn Sỹ Sách, Phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số I/2003 do Ủy ban nhân dân Phường 2, Thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 02/5/2003 thì ông Lương Hoàng L và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thỏa thuận của các đương sự:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2003. Trong quá trình chung sống, giữa hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, tính cách, mâu thuẫn về vấn đề làm ăn kinh tế dẫn đến nợ nần, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẽ, cả hai người nhận thấy không hợp

nhau nữa. Từ đầu năm 2018 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, mỗi người cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Hai bên nhận thấy không còn yêu thương nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông L và bà H là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Lương Xuân H1, sinh ngày 03/02/2003 và Lương Ngọc Thuý D, sinh ngày 06/6/2014. Hai bên thoả thuận giao trẻ Lương Xuân H1 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông L cấp dưỡng nuôi trẻ H1 5.000.000 đồng/tháng; giao trẻ Lương Ngọc Thuý D cho ông Lương Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi trẻ D 1.000.000 đồng/tháng. Ông Lvà bà H thực hiện cấp dưỡng từ tháng 9/2020 cho đến khi trẻ H1, trẻ D lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do Lương Hoàng L và bà Nguyễn Thị H chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Hoàng L và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lương Xuân H1, sinh ngày 03/02/2003 và Lương Ngọc Thuý D, sinh ngày 06/6/2014. Giao trẻ Lương Xuân H1 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông L cấp dưỡng nuôi trẻ H1 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng. Giao trẻ Lương Ngọc Thuý D cho ông Lương Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi trẻ D 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng. Ông L và bà H thực hiện cấp dưỡng từ tháng 9/2020 cho đến khi trẻ H1, trẻ D lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Lương Hoàng L và bà Nguyễn Thị H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ông Ông Lương Hoàng L và bà Nguyễn Thị H chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Long, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do ông Lương Hoàng L và bà Nguyễn Thị H nộp, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông, bà đã nộp theo Biên lai thu số 0068044 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- UBND Phường 2, thị xã Cao Lãnh, Đồng Tháp;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trương Ngọc Tâm